Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 1702.11.00

Mã HS	1702.11.00
Mô tả hàng hóa	Đường khác, kể cả đường lactoza, mantoza, glucoza và fructoza, tinh khiết về mặt hóa học, ở thể rắn; xirô đường chưa pha thêm hương liệu hoặc chất màu; mật ong nhân tạo, đã hoặc chưa pha trộn với mật ong tự nhiên; đường caramen / - Lactoza và xirô lactoza: / - - Có hàm lượng lactoza khan từ 99% trở lên, tính theo khối lượng chất khô
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	09/11/2026 20:49:47
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/17021100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K2294
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N2294
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q2294
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E2301
ATIGA	2022	2022	0	AT!E2262
ATIGA	2023	2023	0	AT!F2262
ATIGA	2024	2024	0	AT!G2262
ATIGA	2025	2025	0	AT!H2262
ATIGA	2026	2026	0	AT!I2262
ATIGA	2027	2027	0	AT!J2262
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E2300
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F2300
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G2300
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H2300

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I2300
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J2300
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E2302
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F2302
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G2302
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H2302
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I2302
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J2302
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F2304
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H2268
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F2264
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G2264
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H2264
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I2264
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J2264
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K2264
VKFTA	2022	2022	0	VK!E2262
VKFTA	2023	2023	0	VK!F2262
VKFTA	2024	2024	0	VK!G2262
VKFTA	2025	2025	0	VK!H2262
VKFTA	2026	2026	0	VK!I2262
VKFTA	2027	2027	0	VK!J2262
VCFTA	2022	2022	0	VC!D2311
VCFTA	2023	2023	0	VC!E2311
VCFTA	2024	2024	0	VC!F2311
VCFTA	2025	2025	0	VC!G2311

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H2311
VCFTA	2027	2027	0	VC!I2311
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D2304
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E2304
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F2304
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G2304
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H2304
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I2304
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D2316
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E2316
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F2316
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G2316
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H2316
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I2316
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D2283
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E2283
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F2283
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G2283
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H2283
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I2283
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D2285
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E2285
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F2285
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G2285
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H2285
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I2285

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D2281
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E2281
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F2281
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G2281
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H2281
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I2281
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J2281
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D2302
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E2302
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F2302
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G2302
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H2302
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I2302
RCEP B	2022	2022	0	B!D2302
RCEP B	2023	2023	0	B!E2302
RCEP B	2024	2024	0	B!F2302
RCEP B	2025	2025	0	B!G2302
RCEP B	2026	2026	0	B!H2302
RCEP B	2027	2027	0	B!I2302
RCEP C	2022	2022	0	C!D2302
RCEP C	2023	2023	0	C!E2302
RCEP C	2024	2024	0	C!F2302
RCEP C	2025	2025	0	C!G2302
RCEP C	2026	2026	0	C!H2302
RCEP C	2027	2027	0	C!I2302
RCEP D	2022	2022	0	D!D2302

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E2302
RCEP D	2024	2024	0	D!F2302
RCEP D	2025	2025	0	D!G2302
RCEP D	2026	2026	0	D!H2302
RCEP D	2027	2027	0	D!I2302
RCEP E	2022	2022	0	E!D2305
RCEP E	2023	2023	0	E!E2305
RCEP E	2024	2024	0	E!F2305
RCEP E	2025	2025	0	E!G2305
RCEP E	2026	2026	0	E!H2305
RCEP E	2027	2027	0	E!I2305
RCEP F	2022	2022	0	F!D2302
RCEP F	2023	2023	0	F!E2302
RCEP F	2024	2024	0	F!F2302
RCEP F	2025	2025	0	F!G2302
RCEP F	2026	2026	0	F!H2302
RCEP F	2027	2027	0	F!I2302
VIFTA	2024	2024	0	VI!F2150
VIFTA	2025	2025	0	VI!G2150
VIFTA	2026	2026	0	VI!H2150
VIFTA	2027	2027	0	VI!I2150

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 1702.11.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 1702.11.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N2294), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.